

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT

TRIỂN ĐÔ THI TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng	04
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500101308, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 37 Đường 3/2, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trịnh Hàng	Chủ tịch	
Ông: Hồ Thanh Côn	Ủy viên	
Ông: Trần Thái Hoà	Ủy viên	
Ông: Võ Thành Tài	Ủy viên	
Ông: Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015
Ông: Triệu Bảo Kim	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hồ Thanh Côn	Tổng Giám đốc	
Ông: Võ Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015)
Ông: Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Võ Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Thảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015
Ông: Đặng Xuân Trường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015
Bà: Vũ Thị Hương	Thành viên	
Bà: Phạm Thị Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015
Ông: Nguyễn Thế Thường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc




Hồ Thanh Côn
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 08 năm 2015



Số: 1433/2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0063-2013-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã	TÀI SẢN	Thuyết	30/06/2015	01/01/2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.182.726.828.248	1.126.679.229.721
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	64.258.831.803	32.412.385.356
111	1. Tiền		64.258.831.803	32.412.385.356
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		327.571.056.264	365.573.277.693
131	1. Phải thu khách hàng		159.783.631.918	200.644.967.403
132	2. Trả trước cho người bán		41.284.677.097	42.647.670.188
135	3. Các khoản phải thu khác	04	126.502.747.249	122.280.640.102
140	III. Hàng tồn kho	05	763.129.278.928	705.512.677.987
141	1. Hàng tồn kho		763.129.278.928	705.512.677.987
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.767.661.253	23.180.888.685
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.660.373	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.561.897.692	13.653.365.547
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	6.468.595.053	6.774.763.793
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	07	2.715.508.135	2.752.759.345
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		429.413.519.702	434.856.927.283
220	I. Tài sản cố định		367.655.990.428	351.629.270.198
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	25.163.745.914	27.098.621.248
222	- Nguyên giá		57.990.575.291	57.695.687.291
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.826.829.377)	(30.597.066.043)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	20.521.004.038	20.557.702.560
228	- Nguyên giá		21.184.024.000	21.184.024.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(663.019.962)	(626.321.440)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	321.971.240.476	303.972.946.390
240	II. Bất động sản đầu tư	11	15.562.654.545	15.562.654.545
241	- Nguyên giá		15.562.654.545	15.562.654.545
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.825.105.189	67.125.105.189
251	1. Đầu tư vào công ty con		44.510.254.689	43.310.254.689
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1.314.850.500	23.814.850.500
260	IV. Tài sản dài hạn khác		369.769.540	539.897.351
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	369.769.540	539.897.351
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.612.140.347.950	1.561.536.157.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		
		30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	1.254.493.569.526	1.200.223.927.968
310	I. Nợ ngắn hạn	881.106.060.556	825.716.447.520
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	165.082.063.240
312	2. Phải trả người bán	156.222.485.579	145.079.791.700
313	3. Người mua trả tiền trước	66.406.337.343	51.341.870.469
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	143.316.368.714
315	5. Phải trả người lao động	543.627.020	2.403.259.363
316	6. Chi phí phải trả	16	18.609.563.714
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	331.952.512.940
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.026.897.994)	(1.823.152.817)
330	II. Nợ dài hạn	373.387.508.970	374.507.480.448
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	371.637.508.971
338	2. Doanh thu chưa thực hiện	1.749.999.999	1.749.999.999
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	357.646.778.424	361.312.229.036
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	357.646.778.424
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350.000.000.000	350.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	2.035.484.756	2.035.484.756
414	3. Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)	(1.686.409.906)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển	3.378.370.016	3.056.968.846
418	5. Quỹ dự phòng tài chính	2.626.918.076	2.626.918.076
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.626.918.076	2.626.918.076
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.334.502.594)	2.652.349.188
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.612.140.347.950	1.561.536.157.004

Người lập biểu



Lê Vy Thùy

Kế toán trưởng



Lê Vy Thùy

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hồ Thanh Côn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	95.987.184.251	95.775.557.001
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	10.190.220	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	95.976.994.031	95.775.557.001
11	4. Giá vốn hàng bán	23	89.634.615.222	91.834.932.134
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.342.378.809	3.940.624.867
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	215.603.664	11.486.469.541
22	7. Chi phí tài chính	25	3.360.739.878	7.502.328.452
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>3.360.739.878</i>	<i>7.370.410.743</i>
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.846.859.028	7.124.883.482
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.649.616.433)	799.882.474
31	10 Thu nhập khác	27	462.139.601	6.226.531.119
32	11 Chi phí khác	28	524.178.957	6.844.436.451
40	12. Lợi nhuận khác		(62.039.356)	(617.905.332)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.711.655.789)	181.977.142
51	14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.711.655.789)	181.977.142

Người lập biểu

Lê Vy Thùy

Kế toán trưởng

Lê Vy Thùy

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2015



Hồ Thanh Côn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

MA số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		167.360.186.045	96.357.268.736
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(140.670.780.390)	(115.342.634.633)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.096.295.687)	(7.785.606.521)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(13.325.849.804)	(14.305.450.849)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.755.447.767	47.810.936
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.066.815.098)	(498.359.237)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.955.892.833	(41.526.971.568)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.980.358.202)	(2.546.727.195)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		100.000.000	6.720.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.100.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.250.000.000	86.828.082.291
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		215.603.664	194.671.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.585.245.462	90.096.026.588
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		110.725.734.772	68.096.401.651
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(94.420.426.620)	(86.999.642.801)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	(1.337.480.667)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		16.305.308.152	(20.240.721.817)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		31.846.446.447	28.328.333.203
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.412.385.356	9.263.485.669
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	64.258.831.803	37.591.818.872

Người lập biểu

Lê Vy Thùy

Kế toán trưởng

Lê Vy Thùy



Làm ngày 26 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

Hồ Thanh Côn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500101308, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 37 Đường 3/2, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty là: 350.000.000.000 đồng; tương đương 35.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Cầu Đường	Số 37, đường 3/2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Xây dựng
Xí nghiệp Xây lắp	Số 37, đường 3/2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Xây dựng
Xí nghiệp Sản xuất Công nghiệp	Đường Trịnh Đình Thảo, tổ 2, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất bê tông nhựa

Thông tin về các công ty con của Công ty xem: chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Khai thác đất sét, đất san lấp;
- Đào tạo nghề (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, kỹ thuật hạ tầng (cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, chiếu sáng), đường điện cao thế 15KV-25KV-35KV, các công trình thủy lợi, đê kè có kết cấu bằng đất và vật liệu kiên cố, các công trình cảng;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ (cầu, đường, cống, ...);
- Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cảng thủy nội địa, kho bãi và các dịch vụ sau cảng; Kinh doanh nhà, bất động sản; Kinh doanh kho vận, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện);
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn; Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác trong hoạt động kinh doanh khách sạn du lịch;
- Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình, thiết bị dầu khí. Cung cấp vật tư, phương tiện dầu khí;
- Vận tải hành khách (kể cả vận chuyển khách du lịch);
- Dọn dẹp mặt bằng xây dựng; Kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ đầu tư bất động sản; Định giá và quản lý bất động sản;
- Vận tải hàng; Tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất bê tông dự ứng lực, các kết cấu bê tông đúc sẵn, ống công bê tông ly tâm, cột điện các loại;
- Tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tân Thành thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở Á Châu và Khu nhà ở Phú Mỹ. Công tác đầu tư đã hoàn thành, việc thanh quyết toán hợp đồng hợp tác kinh doanh đang được thực hiện trong kỳ dẫn đến các quyền lợi và nghĩa vụ đang được theo dõi riêng biệt trên các khoản mục phải thu, phải trả khác. Các dự án bao gồm:
 - + Dự án khu nhà ở Á Châu theo hợp đồng hợp tác đầu tư & kinh doanh số 84/HĐ.UDEC.05 ngày 24/6/2005. Tỷ lệ góp vốn và phân chia doanh thu mỗi bên là 50%-50%. Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo dõi việc thực hiện dự án. Đến nay dự án đã tiêu thụ hết và còn một số khách hàng mua sản phẩm chưa thanh toán.
 - + Dự án khu nhà ở Phú Mỹ theo hợp đồng hợp tác đầu tư & kinh doanh số 10/HĐ.UDEC ngày 5/2/2004. Tỷ lệ góp vốn và phân chia doanh thu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 20% - Công ty Cổ phần Tân Thành là 80%. Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo dõi việc thực hiện dự án. Giai đoạn 1 của dự án đã thi công xong, bán sản phẩm nhà liền kề A,B,C và hai bên đang đối chiếu số liệu để làm thanh lý giai đoạn 1. Giai đoạn 2 của dự án xây dựng nhà chung cư và các công trình phụ trợ khác chưa thực hiện.
- Trong kỳ Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 225.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Cấp treo Vũng Tàu.
- Theo Nghị quyết 05/NQ.HĐQT-UDEC ngày 25/06/2015, Hội đồng Quản trị thống nhất chuyển nhượng toàn bộ dự án Chung cư Bàu Sen, thành phố Vũng Tàu cho đối tác khác để đơn vị này tiếp tục đầu tư kinh doanh dự án theo mục đích nhà ở thương mại với giá chuyển nhượng là 600 tỷ đồng.
- Cũng theo Nghị quyết 05/NQ.HĐQT-UDEC, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Công ty, theo đó giải thể XI nghiệp Cầu Đường và XI nghiệp Xây Lấp từ ngày 01/7/2015 và thành lập Ban điều hành công trình trực thuộc Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

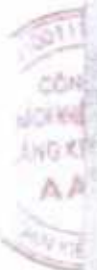
2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

- Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC về việc sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp thì các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Vì vậy, Công ty lựa chọn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Phương pháp xác định giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình: theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	46 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao	

2.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Riêng Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

2.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế chưa niêm yết được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

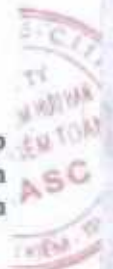
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.



2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	689.306.342	194.073.069
Tiền gửi ngân hàng	63.569.525.461	32.218.312.287
	64.258.831.803	32.412.385.356

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	500.000.000
Phải thu Ban quản lý công trình Bà Rịa - Công trình Trung tâm Thương mại Bà Rịa	2.040.370.464	2.040.370.464
Phải thu Công ty Cổ phần Tân Thành - Tạm phân chia hoạt động hợp tác kinh doanh	98.023.414.212	97.423.414.212
Phải thu Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư Vấn Công nghệ Thiết bị & Kiểm định Xây dựng CONINCO - Chi phí Tư vấn giám sát Công trình Bàu Sen	431.674.000	431.674.000
Phải thu Công ty TNHH Khảo Sát Thiết Kế Tư Vấn Sài Gòn - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật công trình Bàu Sen	208.000.000	208.000.000
Phải thu Công ty Tư vấn Công trình Thủy Bộ Hồng Hưng - Chi phí QH 1/500 cảng nội địa Phước Hoà	300.103.100	300.103.100
Phải thu Công ty Cổ phần Tân Thành - Lãi chậm thanh toán	2.354.824.075	2.354.824.075
Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam - Cổ tức	4.262.330.606	4.262.330.606
Phải thu Công ty Cổ phần Thành Chí - Cổ tức	530.540.202	530.540.202
Tạm ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nam QL 51	1.332.216.000	1.332.216.000
Tạm ứng kinh phí chuẩn bị đầu tư đường 51C	255.969.812	255.969.812
Tạm ứng kinh phí Ban quản lý Công trình Trường Nguyễn Thanh Đăng	91.354.000	91.354.000
Phải thu người mua nhà - Thuế trước bạ	348.649.500	348.649.500
Phải thu Công ty TNHH Du lịch UDEC	3.184.620.121	-
Phải thu khác	12.638.681.157	12.201.194.131
	126.502.747.249	122.280.640.102

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.860.196.314	4.104.664.428
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	757.150.777.194	700.364.774.666
Thành phẩm	2.719.937.507	635.972.958
Hàng gửi đi bán	398.367.913	407.265.935
	763.129.278.928	705.512.677.987

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>	<i>556.148.263.102</i>	<i>533.433.529.152</i>
- Công trình khu chung cư Bàu Sen (1)	556.148.263.102	533.433.529.152
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>201.002.514.092</i>	<i>166.931.245.514</i>
- Công trình khu Nhà ở Phú Mỹ - Tân Thành	3.241.431.411	3.615.596.411
- Công trình Trung tâm huấn luyện Công an Bà Rịa	3.311.578.091	2.319.523.769
- Công trình Cụm B1 - Trung tâm hành chính tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	6.330.937.311	5.466.646.399
- Công trình Trường chuyên Lê Quý Đôn	2.888.628.972	2.754.302.311
- Công trình Quốc lộ 51B Thành phố Vũng Tàu	6.836.931.471	6.833.935.570
- Gói thầu 5a Quốc lộ 51B Thành phố Vũng Tàu	19.047.808.816	18.968.733.384
- Công trình Đường 7 Khu Công nghiệp Phú Mỹ	2.649.905.353	2.477.402.006
- Khu du lịch Hoa Anh Đào	1.002.685.537	1.002.685.537
- Đường Mỹ Xuân Ngãi Giao	11.562.937.306	7.962.361.607
- Nhà văn hóa Tân Thành, huyện Tân Thành	20.068.140.797	19.650.363.277
- Công trình Đường D10 Khu du lịch Chí Linh	1.534.276.091	913.449.119
- Công trình Đường Liên Cảng Cái mép Thị vải	23.013.618.591	16.745.252.360
- Công trình San lấp mặt bằng kho Cảng Petec	15.598.880.033	15.561.963.955
- Công trình Cầu máng Suối Giàu Sông Ray	12.565.206.045	22.474.508.013
- Nhà máy xử lý nước Hồ Tràm	4.775.914.278	4.696.969.832
- Công trình hồ chứa nước D3, D4	2.767.467.365	2.519.430.487
- Các công trình khác	63.806.166.624	32.968.121.477
	757.150.777.194	700.364.774.666

(1): Theo Nghị quyết 05/NQ.HĐQT-UDEC ngày 25/06/2015, Hội đồng Quản trị thống nhất chuyển nhượng toàn bộ dự án Chung cư Bàu Sen, thành phố Vũng Tàu cho đối tác khác để đơn vị này tiếp tục đầu tư kinh doanh dự án theo mục đích nhà ở thương mại với giá chuyển nhượng là 600 tỷ đồng. Công trình được dùng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Chi tiết xem tại Thuyết minh 18).

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.107.843.383	6.414.012.123
Các loại thuế khác	360.751.670	360.751.670
	6.468.595.053	6.774.763.793

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	2.715.508.135	2.622.759.345
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	130.000.000
	2.715.508.135	2.752.759.345

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.345.236.948	28.149.562.911	20.481.501.278	719.386.154	57.695.687.291
- Mua trong kỳ		350.000.000	70.000.000		420.000.000
- Thanh lý, nhượng bán		-	(125.112.000)	-	(125.112.000)
Số dư cuối kỳ	8.345.236.948	28.499.562.911	20.426.389.278	719.386.154	57.990.575.291
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.521.918.036	11.531.110.790	14.832.505.031	711.532.186	30.597.066.043
- Khấu hao trong kỳ	190.557.500	1.086.529.092	979.143.815	3.345.717	2.259.576.124
- Thanh lý, nhượng bán		-	(29.812.790)	-	(29.812.790)
Số dư cuối kỳ	3.712.475.536	12.617.639.882	15.781.836.056	714.877.903	32.826.829.377
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.823.318.912	16.618.452.121	5.648.996.247	7.853.968	27.098.621.248
Tại ngày cuối kỳ	4.632.761.412	15.881.923.029	4.644.553.222	4.508.251	25.163.745.914

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để đảm bảo các khoản vay: 15.348.329.829 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.018.693.439 VND.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*) VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn (**) VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.807.760.000	3.376.264.000	21.184.024.000
Số dư cuối kỳ	17.807.760.000	3.376.264.000	21.184.024.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	626.321.440	626.321.440
- Khấu hao trong kỳ		36.698.522	36.698.522
Số dư cuối kỳ	-	663.019.962	663.019.962
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.807.760.000	2.749.942.560	20.557.702.560
Tại ngày cuối kỳ	17.807.760.000	2.713.244.038	20.521.004.038

(*): Mảnh đất tại đường 3/2, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Diện tích đất: 1.999 m². Mục đích: xây dựng trụ sở văn phòng.

(**): Mảnh đất tại phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Diện tích 21.350 m². Thuê đất 50 năm từ năm 2002. Mục đích sử dụng: Đặt trạm trộn bê tông.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công trình Khu biệt thự Long Hải	262.511.221	262.511.221
- Công trình Khách sạn Golf Phú Mỹ (đổi tên thành Khách sạn Nemo) (*)	321.412.259.839	303.413.965.753
- Công trình Khu nhà ở Châu Pha	264.518.416	264.518.416
- Các công trình khác	31.951.000	31.951.000
	321.971.240.476	303.972.946.390

(*) Ghi chú: Dự án Khách sạn Golf Phú Mỹ được lập và phê duyệt lần đầu ngày 07/3/2007. Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 05/HĐQT ngày 29/8/2013 là 318,76 tỷ đồng. Dự án nằm trên địa bàn huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng diện tích là 4.779 m² với mục đích kinh doanh khách sạn và căn hộ cho thuê. Công trình vẫn đang hoàn thiện và đưa vào khai thác thử nghiệm đối với khu vực đã thi công xong trước khi bàn giao sang Công ty TNHH Du lịch UDEC - Công ty con để góp vốn. Công trình được dùng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (Xem chi tiết tại thuyết minh số 18).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng dài hạn lô đất tại 187 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, với tổng diện tích 721,5 m². Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là: 15.562.654.545 đồng. Mục đích nắm giữ: Chờ tăng giá để bán.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	44.510.254.689	43.310.254.689
Công ty Cổ phần Thành Chí	28.537.082.305	28.537.082.305
Công ty TNHH MTV Du Lịch UDEC	15.973.172.384	14.773.172.384
Đầu tư dài hạn khác	1.314.850.500	23.814.850.500
	45.825.105.189	67.125.105.189

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thành Chí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	52,15%	52,15%	Sản xuất VLXD, cho thuê kho bãi
Công ty TNHH Du Lịch UDEC	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100,00%	100,00%	Khách sạn, nhà hàng, lữ hành

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
- Đầu tư cổ phiếu			1.314.850.500	23.814.850.500
Công ty Cổ phần Du lịch Núi lớn Núi nhỏ và Cáp treo Vũng Tàu (*)	-	225.000	-	22.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	71.073	71.073	1.314.850.500	1.314.850.500
			1.314.850.500	23.814.850.500

(*) Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 22/BBTL/UDEC ngày 17/03/2015, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã hoàn thành việc chuyển nhượng 225.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Cáp treo Vũng Tàu sang cho Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc. Tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 22.500.000.000 đồng.

(**) Cổ phiếu được niêm yết trên sàn chứng khoán.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công trình Khu biệt thự Long Hải	262.511.221	262.511.221
- Công trình Khách sạn Golf Phú Mỹ (đổi tên thành Khách sạn Nemo) (*)	321.412.259.839	303.413.965.753
- Công trình Khu nhà ở Châu Pha	264.518.416	264.518.416
- Các công trình khác	31.951.000	31.951.000
	321.971.240.476	303.972.946.390

(*) Ghi chú: Dự án Khách sạn Golf Phú Mỹ được lập và phê duyệt lần đầu ngày 07/3/2007. Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 05/HĐQT ngày 29/8/2013 là 318,76 tỷ đồng. Dự án nằm trên địa bàn huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng diện tích là 4.779 m² với mục đích kinh doanh khách sạn và căn hộ cho thuê. Công trình vẫn đang hoàn thiện và đưa vào khai thác thử nghiệm đối với khu vực đã thi công xong trước khi bàn giao sang Công ty TNHH Du lịch UDEC - Công ty con để góp vốn. Công trình được dùng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (Xem chi tiết tại thuyết minh số 18).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng dài hạn lô đất tại 187 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, với tổng diện tích 721,5 m². Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là: 15.562.654.545 đồng. Mục đích nắm giữ: Chờ tăng giá để bán.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	44.510.254.689	43.310.254.689
Công ty Cổ phần Thành Chí	28.537.082.305	28.537.082.305
Công ty TNHH MTV Du Lịch UDEC	15.973.172.384	14.773.172.384
Đầu tư dài hạn khác	1.314.850.500	23.814.850.500
	45.825.105.189	67.125.105.189

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thành Chí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	52,15%	52,15%	Sản xuất VLXD, cho thuê kho bãi
Công ty TNHH Du Lịch UDEC	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100,00%	100,00%	Khách sạn, nhà hàng, lữ hành

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
- Đầu tư cổ phiếu			1.314.850.500	23.814.850.500
Công ty Cổ phần Du lịch Núi lớn Núi nhỏ và Cáp treo Vũng Tàu (*)	-	225.000	-	22.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	71.073	71.073	1.314.850.500	1.314.850.500
			1.314.850.500	23.814.850.500

(*) Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 22/BBTL/UDEC ngày 17/03/2015, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã hoàn thành việc chuyển nhượng 225.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Cáp treo Vũng Tàu sang cho Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc. Tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 22.500.000.000 đồng.

(**) Cổ phiếu được niêm yết trên sàn chứng khoán.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	539.897.351	392.682.390
Số tăng trong kỳ	4.981.201.551	449.803.978
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(4.651.329.362)	(160.015.034)
Giảm khác ^(*)	(500.000.000)	(277.613.980)
Số dư cuối kỳ	369.769.540	404.857.354

(*): Giảm khác là phần chi phí chuyển thành vốn góp tại Công ty con (Công ty TNHH Du lịch UDEC)

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	309.916.905	446.897.422
Chi phí bảo hiểm ô tô chờ phân bổ	-	5.523.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	59.852.635	87.476.929
	369.769.540	539.897.351

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay ngắn hạn	138.480.063.240	113.394.783.610
Vay ngân hàng	124.290.063.240	106.434.783.610
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽¹⁾	29.628.678.807	29.755.836.151
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽²⁾	94.661.384.433	76.678.947.459
Vay cá nhân	14.190.000.000	6.960.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem thuyết minh 18)	26.602.000.000	34.262.000.000
	165.082.063.240	147.656.783.610

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 3500101308-01/HĐTD ngày 20/10/2014 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hạn mức cấp tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 29/08/2014. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014 - 2015. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Bên vay là Quyền sử dụng đất số BĐ707394, BĐ707396, BĐ707397, BĐ707398 do Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 02/08/2011.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/600348/HĐTD ngày 24/11/2014 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hạn mức cấp tín dụng là 146.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên vay theo hợp đồng bảo đảm tiền vay; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

(3) Thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng cụ thể.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.705.443	112.705.443
Thuế thu nhập cá nhân	113.941.254	46.612.737
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	141.631.977.000	141.631.977.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.457.745.017	1.457.745.017
	143.316.368.714	143.249.040.197

(*) Là tiền sử dụng đất Chung cư Bàu Sen theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 873/TB-CCT ngày 17/2/2012 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	18.609.563.714	22.767.934.754
	18.609.563.714	22.767.934.754

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	66.809.658	49.512.738
Bảo hiểm xã hội	-	621.127.591
Phải trả về cổ phần hóa	40.400.058.802	40.400.058.802
Các khoản phải trả phải nộp khác	291.485.644.480	273.970.221.113
Chi phí khu Hàng Dương - Tiền đền bù	1.291.280.460	1.291.280.460
Chi phí khu Hoa Anh Đào - Tiền đền bù	2.003.851.599	2.003.851.599
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.751.371	1.124.745.339
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long	85.006.105.713	75.078.828.304
Lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	62.840.591.805	55.887.100.270
Tạm thu phí chuyển nhượng của người mua (Dự án khu nhà ở Phú Mỹ)	1.233.541.398	1.233.541.398
Công ty TNHH Đông Nam - Góp vốn đầu tư khu đô thị mới quốc lộ 51	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Thành - Thu lãi chậm thanh toán và phân chia lại	3.847.955.927	3.847.955.927
Công ty Cổ Phần Tân Thành - Góp vốn liên doanh khu nhà ở Phú Mỹ	72.465.227.080	72.465.227.080
Công ty Cổ Phần Tân Thành - Góp vốn liên doanh khu nhà ở Á Châu	18.547.075.290	18.547.075.290
Tiền đền bù khu Chí Linh	198.272.500	198.272.500
Công ty Ấn tượng môi - Thiết kế cao ốc Thương mại Bàu Sen	10.884.510	10.884.510
Công ty Huy Hoàng - Khu dự án Hoa Anh Đào	1.086.903.704	1.086.903.704
Cổ tức phải trả	29.212.190.470	29.212.190.470
Phải trả khác	11.703.012.653	9.982.364.262
	331.952.512.940	315.040.920.244

CÔNG TY CỔ PHẦN
 XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
 ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 P. H. H.

18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	356.795.508.971	356.795.508.971
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Côn Đảo ⁽¹⁾	186.995.000.000	186.995.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽²⁾	131.800.508.971	131.800.508.971
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽³⁾	38.000.000.000	38.000.000.000
Vay dài hạn cá nhân ⁽⁴⁾	14.842.000.000	15.961.971.478
	371.637.508.971	372.757.480.449

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số DD 0079.10/HĐTĐ ngày 04/10/2010 và các phụ lục hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Côn Đảo. Hạn mức vay là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để đầu tư cho dự án chung cư cao ốc Bàu Sen. Thời gian vay là 9 năm kể từ ngày bên vay nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất cho vay cụ thể được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 206.995.000.000 đồng, trong đó số nợ dài hạn đến hạn trả là 20.000.000.000 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bên vay.

(2) Hợp đồng tín dụng số 100042.01/HĐTĐ ngày 31/05/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 100042.01/PL03 ngày 17/03/2014 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hạn mức vay là 134.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để thanh toán các khoản chi phí thực hiện dự án "Đầu tư khách sạn Golf Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời hạn cho vay tối đa 204 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất cho vay dài hạn của chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 132.300.508.971 đồng, trong đó số nợ dài hạn đến hạn trả là 500.000.000 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị Quyền sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK287475 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 17/10/2007; toàn bộ khách sạn Phú Mỹ là tài sản gắn liền trên đất được hình thành trong tương lai theo giấy phép xây dựng số 53/GPXD do Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 06/11/2007.

(3) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/UDEC/HĐTĐTH ngày 31/12/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hạn mức vay là 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay để cơ cấu tài chính doanh nghiệp, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn. Thời hạn vay là 34 tháng kể từ ngày phát vay. Lãi suất cho vay trong hạn là 11,5% và được điều chỉnh 1 quý/lần vào ngày 01 của các tháng đầu quý theo thông báo lãi suất cho vay hiện hành của ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 43.000.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm tới là 5.000.000.000 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay.

(4) Khoản vay dài hạn cá nhân bao gồm 3 hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay dài hạn số 35/VCN.UDEC ngày 26/05/2014 với Bà Nguyễn Thị Thảo. Thời hạn vay 84 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 850.000.000 đồng, trong đó số nợ dài hạn đến hạn trả là 30.000.000 đồng.

- Biên bản thỏa thuận về việc huy động vốn xây dựng chung cư Bàu Sen số 22/TT-UDEC ngày 29/06/2012 với bà Trần Thị Thu Thủy. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng MHB - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 94.000.000 đồng, trong đó số nợ dài hạn đến hạn trả là 72.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay cá nhân trung hạn số 100/VCN.UDEC ngày 24/10/2014 với Ông Đinh Văn Hùng. Thời hạn vay 03 năm. Lãi suất vay 16%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015 là 15.000.000.000 đồng, trong đó số nợ dài hạn đến hạn trả là 1.000.000.000 đồng.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	2.035.484.756	(1.686.409.906)	3.056.968.846	2.626.918.076	2.626.918.076	1.581.011.954	360.240.891.802
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	181.977.142	181.977.142
Số dư cuối kỳ trước	350.000.000.000	2.035.484.756	(1.686.409.906)	3.056.968.846	2.626.918.076	2.626.918.076	1.762.989.096	360.422.868.944
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	2.035.484.756	(1.686.409.906)	3.056.968.846	2.626.918.076	2.626.918.076	2.652.349.188	361.312.229.036
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(2.711.655.789)	(2.711.655.789)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	321.401.170	-	-	(321.401.170)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(953.794.823)	(953.794.823)
Số dư cuối kỳ này	350.000.000.000	2.035.484.756	(1.686.409.906)	3.378.370.016	2.626.918.076	2.626.918.076	(1.334.502.594)	357.646.778.424

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn đầu tư của Nhà nước (Số Tài chính tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)	236.911.920.000	67,69%	236.911.920.000	67,69%
Vốn góp của các cổ đông khác	110.148.080.000	31,47%	110.148.080.000	31,47%
Cổ phiếu quỹ	2.940.000.000	0,84%	2.940.000.000	0,84%
	350.000.000.000	100%	350.000.000.000	100%

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	350.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	350.000.000.000	350.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	294.000	294.000
- Cổ phiếu phổ thông	294.000	294.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng đang lưu hành	34.706.000	34.706.000
- Cổ phiếu phổ thông	34.706.000	34.706.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	3.378.370.016	3.056.968.846
- Quỹ dự phòng tài chính	2.626.918.076	2.626.918.076
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.626.918.076	2.626.918.076

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ.ĐHĐCĐ - UDEC ngày 27/4/2015 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, cụ thể như sau: Lợi nhuận để trích lập các quỹ và chia cổ tức là 1.071.337.234 đồng, Lợi nhuận giữ lại để chia cổ tức là 0 đồng; Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển số tiền là: 321.401.170 đồng; Lợi nhuận giữ lại trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 749.936.064 đồng.

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	53.963.870.906	73.121.009.480
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa khác	42.023.313.345	22.654.547.521
	95.987.184.251	95.775.557.001

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	10.190.220	-
	10.190.220	-

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	53.953.680.686	73.121.009.480
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa khác	42.023.313.345	22.654.547.521
	95.976.994.031	95.775.557.001

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	50.649.040.260	70.612.268.363
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.985.574.962	21.222.663.771
	89.634.615.222	91.834.932.134

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	140.097.262	194.671.492
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.506.402	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam	-	11.291.798.049
	215.603.664	11.486.469.541

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.360.739.878	7.370.410.743
Chi phí thanh lý khoản đầu tư	-	131.917.709
	3.360.739.878	7.502.328.452

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330.597.102	586.040.647
Chi phí nhân công	3.134.199.363	3.708.940.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	676.905.546	554.056.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.881.065	198.544.060
Chi phí khác bằng tiền	1.477.275.952	2.077.301.880
	5.846.859.028	7.124.883.482

27. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu bán thanh lý tài sản cố định	90.909.091	6.109.090.908
Tiền điện cung cấp	371.230.510	67.872.420
Thu nhập khác	-	49.567.791
	462.139.601	6.226.531.119

28. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	96.799.210	6.686.474.433
Lãi chậm nộp bảo hiểm	20.195.414	-
Tiền điện cung cấp	371.230.510	67.872.420
Chi phí khác	35.953.823	90.089.598
	524.178.957	6.844.436.451

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.711.655.789)	181.977.142
Các khoản điều chỉnh tăng	20.195.414	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	20.195.414	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(75.506.402)	(181.977.142)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(75.506.402)	-
- Chuyển lỗ năm 2013	-	(181.977.142)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.766.966.777)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	112.705.443	1.969.228.943
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	112.705.443	1.969.228.943

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.480.194.863	48.581.425.034
Chi phí nhân công	11.785.856.698	19.998.873.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.296.274.646	3.008.858.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.944.276.365	24.423.263.737
Chi phí khác bằng tiền	14.023.715.276	11.870.092.468
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	148.530.317.848	107.882.513.566

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	64.258.831.803	-	32.412.385.356	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.286.379.167	-	322.925.607.505	-
Đầu tư dài hạn	1.314.850.500	-	23.814.850.500	-
Cộng	351.860.061.470	-	379.152.843.361	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	536.719.572.211	520.414.264.059
Phải trả người bán, phải trả khác	488.174.998.519	460.120.711.944
Chi phí phải trả	18.609.563.714	22.767.934.754
Cộng	1.043.504.134.444	1.003.302.910.757

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.258.831.803	-	-	64.258.831.803
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.286.379.167	-	-	286.286.379.167
Đầu tư dài hạn	-	1.314.850.500	-	1.314.850.500
Cộng	350.545.210.970	1.314.850.500	-	351.860.061.470
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.412.385.356	-	-	32.412.385.356
Phải thu khách hàng, phải thu khác	322.925.607.505	-	-	322.925.607.505
Đầu tư dài hạn	-	23.814.850.500	-	23.814.850.500
Cộng	355.337.992.861	23.814.850.500	-	379.152.843.361

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	165.082.063.240	183.702.508.971	187.935.000.000	536.719.572.211
Phải trả người bán, phải trả khác	488.174.998.519	-	-	488.174.998.519
Chi phí phải trả	18.609.563.714	-	-	18.609.563.714
Cộng	671.866.625.473	183.702.508.971	187.935.000.000	1.043.504.134.444
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	147.656.783.610	43.843.971.478	328.913.508.971	520.414.264.059
Phải trả người bán, phải trả khác	460.120.711.944	-	-	460.120.711.944
Chi phí phải trả	22.767.934.754	-	-	22.767.934.754
Cộng	630.545.430.308	43.843.971.478	328.913.508.971	1.003.302.910.757

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động xây lắp	Bán hàng hóa, thành phẩm	Đầu tư kinh doanh Bất động	Tổng cộng toàn DN
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	53.953.680.686	42.023.313.345	-	95.976.994.031
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.304.640.426	3.037.738.383	-	6.342.378.809
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>(2.649.616.433)</u>
Tổng tài sản				1.612.140.347.950
Tổng nợ phải trả				1.254.493.569.526

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong khu vực Phía Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty TNHH MTV Du lịch UDEC	Công ty con	1.200.000.000	1.100.000.000
Doanh thu xây dựng nhà xưởng			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	2.654.409.879	-
Mua nguyên vật liệu			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	7.397.992.945	6.675.715.904
Cung cấp dịch vụ khác			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	36.396.360	36.396.360
Công ty TNHH MTV Du lịch UDEC	Công ty con	334.834.150	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	-	539.000.000
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	5.549.985.026	351.649.650
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Thành Chí - Cổ tức	Công ty con	530.540.202	530.540.202
Công ty TNHH MTV Du lịch UDEC	Công ty con	3.184.620.121	-
Các khoản phải trả nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần Thành Chí	Công ty con	19.477.843.390	12.601.086.995

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	489.580.000	609.000.000

35. SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Lê Vy Thùy

Kế toán trưởng



Lê Vy Thùy

Tổng Giám đốc



Hồ Thanh Côn